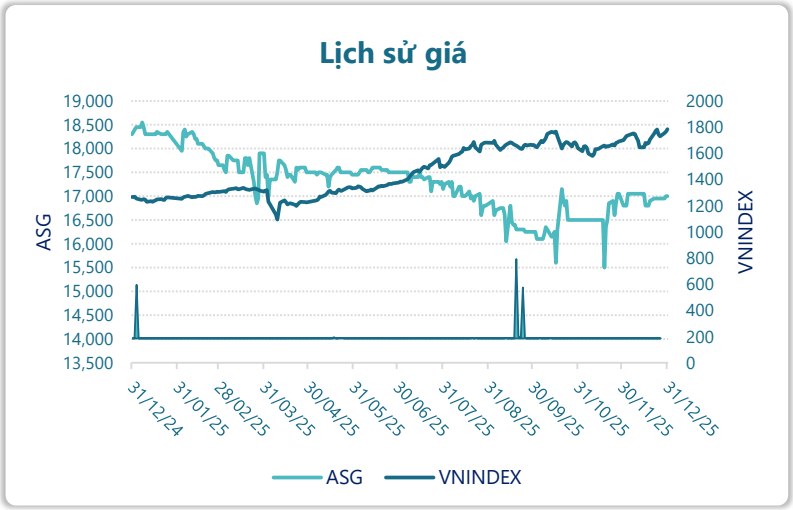
FireAnt

CTCP Tập đoàn ASG (HSX: ASG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,500
SL cổ phiếu LH	90,784,669
KLGD BQ 20 phiên (CP)	224,787
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,543
P/E	19.4
EPS	877

DT thuần

Q4/25

688

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0| 4.1%

YoY: ▲ 162| 30.8%

LN sau thuế

Q4/25

18.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.2| -60.8%

YoY: ▲ 11.8| 185%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.2%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

2025

2,385

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 469| 24.5%

LN sau thuế

2025

117

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 63.5| 119%

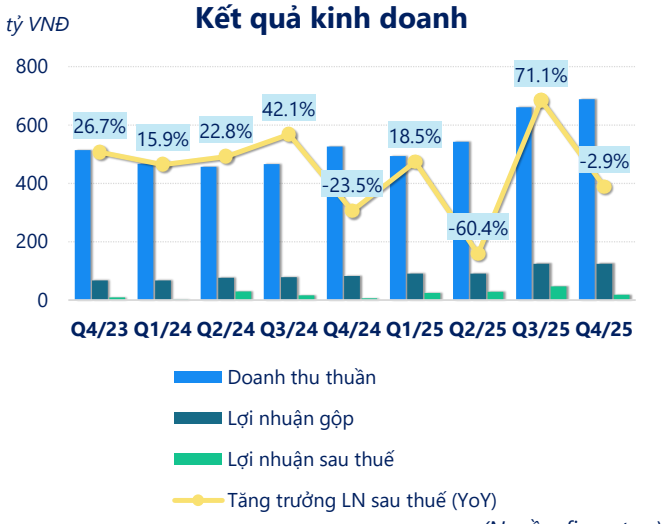
ROE

2025

3.8%

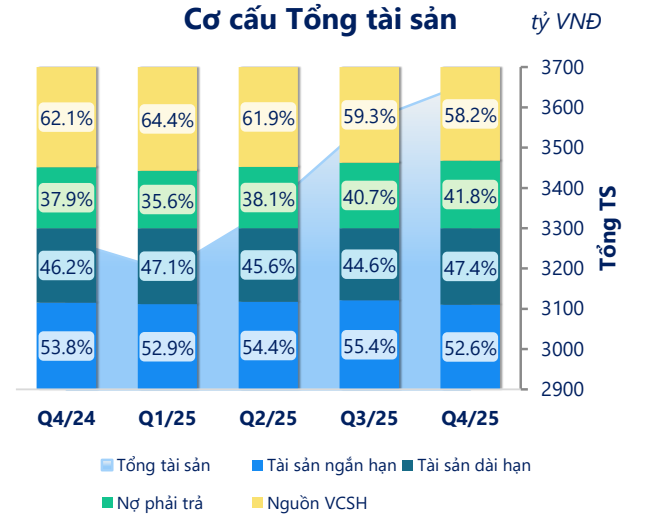
+/- YoY: ▲ 2.4%

Kết quả kinh doanh



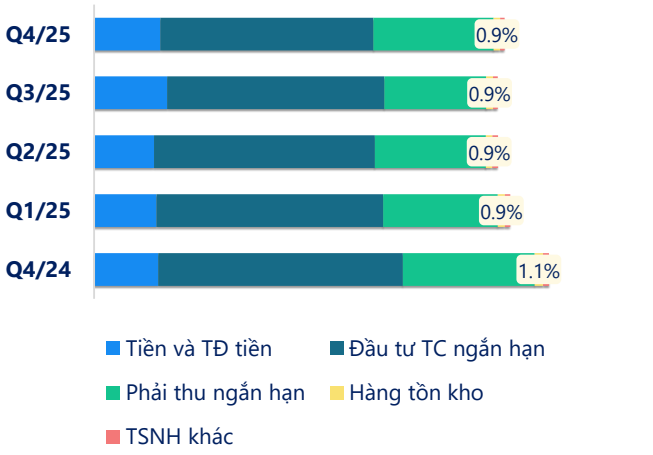
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



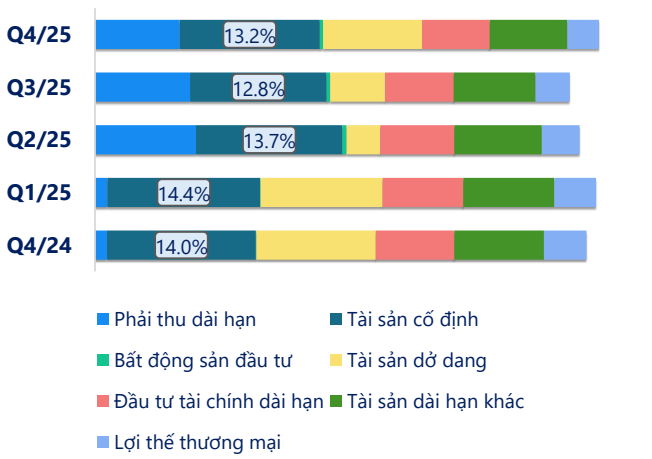
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



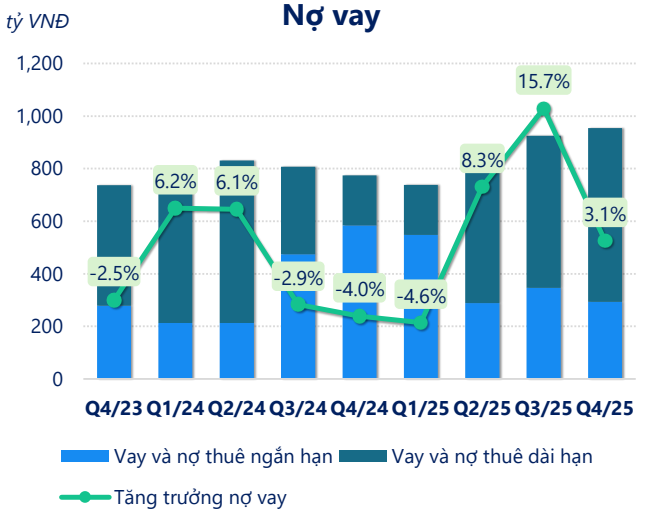
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



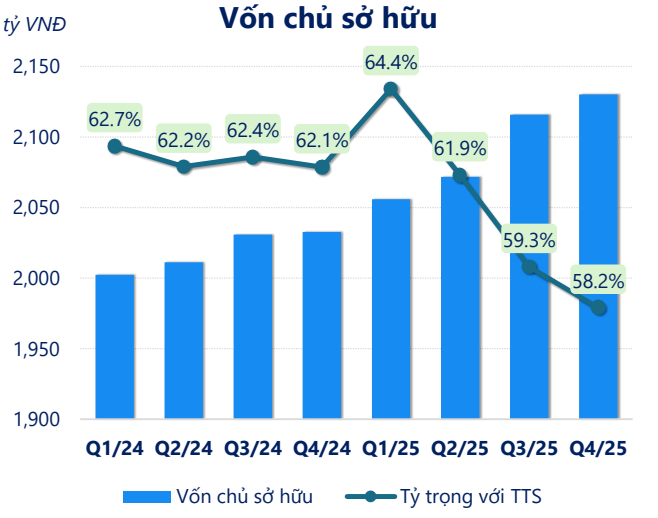
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



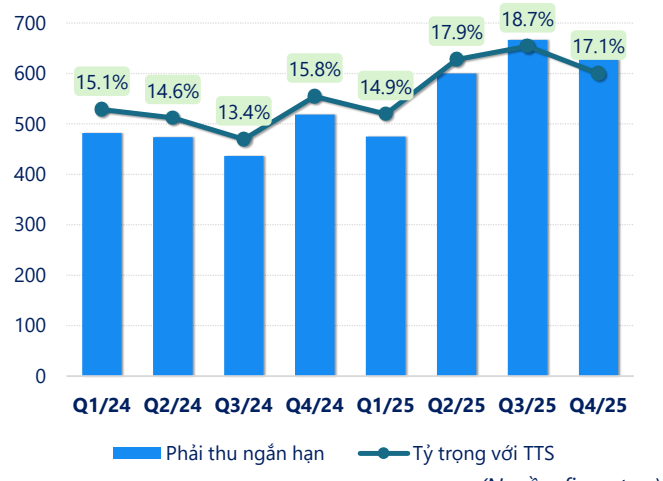
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



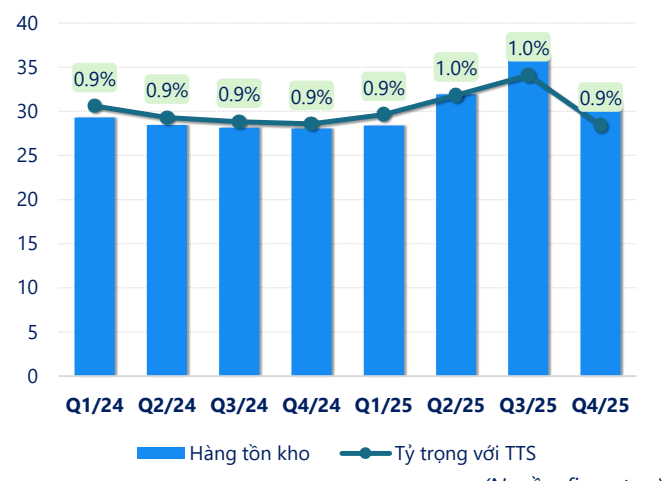
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



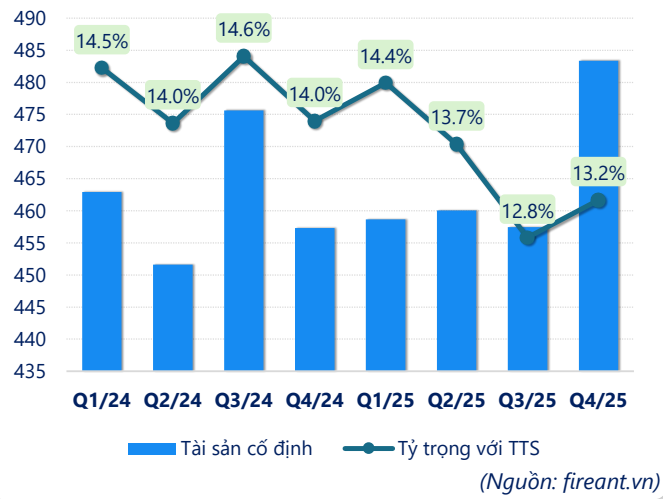
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



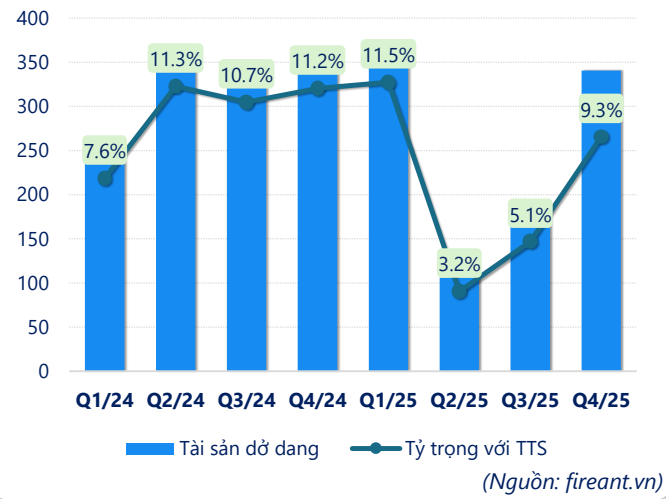
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



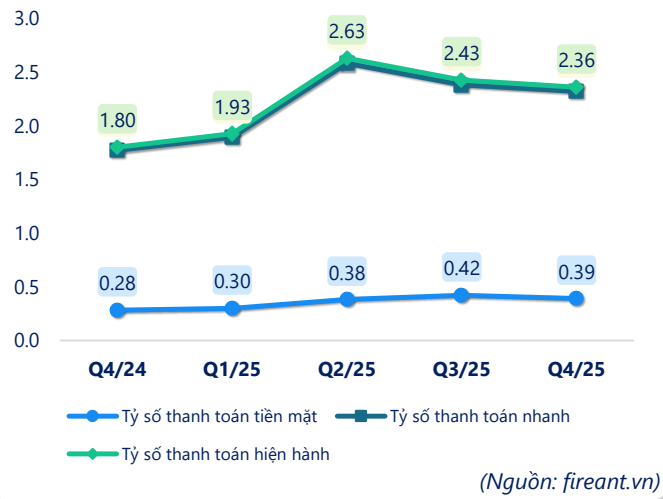
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



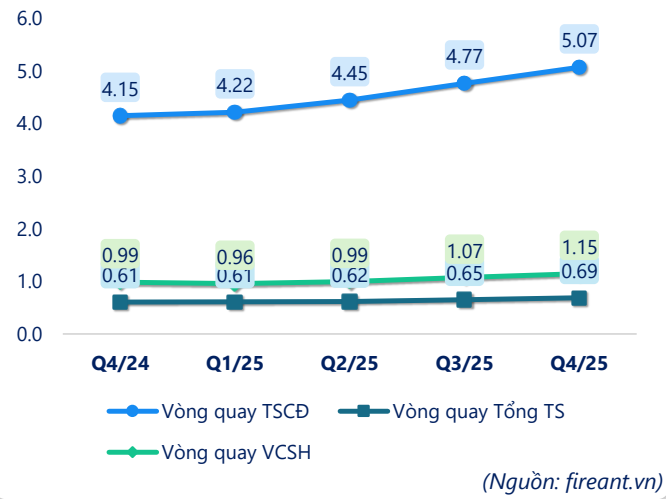
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**3,271**	**3,194**	**3,346**	**3,567**	**3,662**
Tài sản ngắn hạn	**1,759**	**1,689**	**1,821**	**1,975**	**1,927**
Tiền và tương đương tiền	276	262	264	342	320
Đầu tư tài chính ngắn hạn	917	905	901	903	908
Phải thu ngắn hạn	518	475	600	666	628
Hàng tồn kho	28.0	28.4	31.9	36.5	31.2
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	19.3	23.2	25.9	40.1
Tài sản dài hạn	**1,512**	**1,505**	**1,525**	**1,592**	**1,735**
Phải thu dài hạn	37.4	37.4	318	319	291
Tài sản cố định	457	459	460	457	483
Bất động sản đầu tư	1.86	1.65	13.2	12.4	11.6
Tài sản dở dang	367	366	106	183	340
Đầu tư tài chính dài hạn	242	243	233	231	233
Tài sản dài hạn khác	275	273	275	275	267
Lợi thế thương mại	131	125	120	114	108
Nợ phải trả	**1,238**	**1,138**	**1,274**	**1,451**	**1,532**
Nợ ngắn hạn	**977**	**877**	**693**	**814**	**817**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	584	548	289	346	293
Phải trả người bán ngắn hạn	255	204	226	264	297
Nợ dài hạn	261	261	581	637	715
Vay và nợ thuê dài hạn	190	190	511	578	661
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,033**	**2,056**	**2,072**	**2,116**	**2,130**
Vốn chủ sở hữu	**2,033**	**2,056**	**2,072**	**2,116**	**2,130**
Vốn điều lệ	908	908	908	908	908
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)